



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

TT	TÊN TÀI LIỆU	SỐ HIỆU	SỐ TRANG
1	Dự thảo Chương trình Đại hội đồng cổ đông		03
2	Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026		07
3	Dự thảo Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028		06
4	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.	1096/BC-VMC	24
5	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; phương hướng nhiệm vụ 2026	1097/BC-VMC	05
6	Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	1098/BKS-VMC	05
7	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.	1099/BKS-VMC	13
8	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.	1100/BKS-VMC	02
9	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025.	1101/TTr-VMC	01
10	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Người quản lý Công ty.	1103/TTr-VMC	03
11	Tờ trình về việc thông qua các Hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản	1104/TTr-VMC	01
12	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế liên quan.	1105/TTr-VMC	01

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

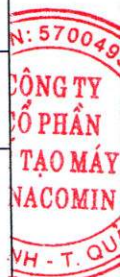
Dự thảo

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Thời gian: Từ 8h00 ngày 23/4/2026

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
1	Kiểm tra tư cách cổ đông, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và tài liệu họp	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông; Ban tổ chức Đại hội; Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
2	- Ổn định tổ chức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên điều hành Đại hội; - Giới thiệu đồng chủ tọa điều hành Đại hội.	
3	- Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Thư ký và nhân sự Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tịch HĐQT
4	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban Kiểm tra tư cách CD
5	Trình bày các nội dung: - Dự thảo Chương trình làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 - Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026; - Dự thảo Quy chế bầu cử bầu bổ sung Thành viên HĐQT.	Ông Lê Viết Sự TV HĐQT
6	Biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
7	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
8	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; phương hướng nhiệm vụ 2026	Bà Phạm Thu Hương Thành viên HĐQT
9	Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
10	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
12	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025.	Bà Nguyễn Thị Hồng Thịnh – Kế toán trưởng
13	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Người quản lý Công ty.	Bà Nguyễn Thị Hồng Thịnh – Kế toán trưởng
14	Tờ trình về việc thông qua các Hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản	Bà Nguyễn Thị Hồng Thịnh – Kế toán trưởng
15	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế liên quan.	Ông Lê Viết Sự TV HĐQT
16	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
17	Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
18	Biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
19	Thực hiện quy trình bầu kiện toàn bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028	
19.1	- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT; - Tờ trình của HĐQT đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028	Ông Lê Viết Sự TV HĐQT
19.2	- Thảo luận về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT và Danh sách ứng viên để bầu bổ sung Thành viên HĐQT; - Biểu quyết thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT và thông qua Danh sách ứng viên để bầu bổ sung Thành viên HĐQT;	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
19.3	Giới thiệu nhân sự Tổ bầu cử và lấy ý kiến biểu quyết thông qua nhân sự Tổ bầu cử	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
19.4	Tổ bầu cử thực hiện công tác bầu cử: Hướng dẫn công tác bầu cử; Phát phiếu bầu; Thu phiếu bầu và Kiểm số lượng phiếu báo cáo Đại hội	Tổ trưởng Tổ bầu cử
20	Đại hội nghỉ làm việc 15 phút.	
21	- Công bố và biểu quyết thông qua kết quả bầu kiện toàn bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 (nếu có).	Tổ trưởng Tổ bầu cử;
	Biểu quyết thông qua kết quả bầu cử	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa



TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
22	Tặng hoa chia tay Thành viên thôi tham gia HĐQT và tặng hoa chúc mừng Thành viên HĐQT mới.	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
23	Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	Thư ký Đại hội
24	Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết.	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa
25	Bế mạc Đại hội.	Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tọa

**BAN TỔ CHỨC
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**



Số: /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN**

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Tổng Công ty Lưu ký và Bù chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Chương III:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ

đồng đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty; khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; được phát các tài liệu, nội dung chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có), Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức, tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai

và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội; tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội: có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu: bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban Kiểm phiếu: có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu; có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026;

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; phương hướng nhiệm vụ 2026;

3. Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025;

5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty;

6. Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025;

7. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025; đề xuất tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2026;

8. Tờ trình về việc thông qua các Hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản;

9. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế liên quan;

10. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 (nếu có);

11. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 10 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban Kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban Kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cổ đông đại diện của Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban Kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu. Trưởng Ban Kiểm phiếu thay mặt Ban Kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng

quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2026./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban chỉ đạo, BTC Đại hội (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**

Phạm Tuấn Ngọc



Số /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
NHIỆM KỲ 2023-2028**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 theo các quy định sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.
- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Đại biểu: Cổ đông, đại diện theo ủy quyền.

Điều 2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào HĐQT và được ĐHĐCĐ thông qua;
- Đề cử nhân sự Tổ bầu cử để Đại hội xét thông qua;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

Điều 3. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

- Số lượng Thành viên HĐQT được bầu là : 01 (một) Thành viên
- Nhiệm kỳ : 2023- 2028
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
- Thành viên HĐQT phải có các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác theo quy định của pháp luật;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tổ bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên của Tổ không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT. Tổ bầu cử tổ chức thực hiện việc bầu cử, kiểm phiếu bầu cử và báo cáo Đại hội về kết quả bầu cử.

Chương II **QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ**

Điều 5. Quy định đề cử thành viên HĐQT (theo khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty)

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên. Cổ đông TKV được quyền đề cử đa số (trên 50%) số ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản b, Điều 195, Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT (Mẫu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <https://chetaomay.com.vn/category/quan-he-co-dong/thong-tin-cong-bo/>;

- Đơn xin đề cử/ứng cử;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên;
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu;
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước ngày 20/4/2026 đến địa chỉ:

- Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Địa chỉ: Số 486 đường Trần Phú – phường Quang Hanh - tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0203.3862876; 0203.3716223

Fax: 0203.3862034

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 7. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu cử.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Chương III

PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

Điều 8. Phương thức bầu cử

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp).

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số ứng cử viên, nhưng không quá số ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Trong trường hợp ghi phiếu có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Tổ bầu cử, kiểm phiếu để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

Điều 9. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.

- Danh sách ứng cử thành viên HĐQT: (lập trên 01 phiếu) Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Mỗi đại biểu sẽ được phát 01 Phiếu bầu cử HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Tổ bầu cử.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau: Thực hiện theo mẫu phiếu bầu cử và hướng dẫn của Tổ bầu cử.

3. Nguyên tắc bầu cử: theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

4. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Tổ bầu cử phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- + Không bầu cho một ứng viên nào trong số các ứng viên;
- + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Tổ bầu cử phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- + Phiếu nộp sau khi Tổ bầu cử đã mở niêm phong thùng phiếu;
- + Không có chữ ký và họ tên của đại biểu tham dự.

Điều 10. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu bầu cử

1. Tổ bầu cử có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ dưới đây:

- Giới thiệu phiếu, hướng dẫn ghi phiếu và phát phiếu bầu;

- Thu phiếu và tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

3. Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Tổ bầu cử giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4. Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội này là người có số phiếu bầu cao nhất.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau trong khi kết quả bầu vẫn chưa bầu được một thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu đạt cao nhất và bằng nhau về số lượng phiếu bầu.

5. Tổ bầu cử có trách nhiệm tổ chức việc bầu cử và lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả trước Đại hội. Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

Điều 11. Khiếu nại

Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ tọa Đại hội, Tổ bầu cử có trách nhiệm giải trình và làm rõ vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 4 chương 12 điều có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Thư ký Công ty (e-copy, đăng trên Website);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Tuấn Ngọc



Số: 1096/BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm;
- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ;
- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

2. Khó khăn:

- Trong năm 2025, nền kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt là chính sách thuế quan của Mỹ, xung đột Nga - Ucraina và cạnh tranh chiến lược nước lớn làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, mang lại cả cơ hội và thách thức;
- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường;
- Một số cơ chế, chính sách và những yêu cầu nâng cao trong công tác đảm bảo tính tuân thủ các văn bản pháp lý, pháp quy của các cơ quan quản lý nhà nước cũng có nhiều tác động đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp cơ khí.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Đã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành. Một số văn bản cụ thể:

- Nghị quyết số 1612/NQ-VMC, ngày 25/4/2025 về Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Nghị quyết số 1512 – NQ /ĐU ngày 29/12/2024 và Chương trình hành động số 34/CTr-VMC ngày 02/01/2025 của BCH Đảng bộ Công ty về việc lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2025;

- Quyết định số 01/QĐ – VMC ngày 02/01/2025 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2025; ban hành theo của Giám đốc Công ty;

- Quyết định số 02/QĐ – VMC ngày 02/01/2025 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch tiết kiệm chi phí năm 2025;

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành khác.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

2.1. Các chỉ tiêu về giá trị

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH năm 2025	TH năm 2024	TH năm 2025	So sánh %	
						So với KH năm	So với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.293.304	2.306.962	115,3	100,6
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.357	633.976	111,0	100,1
3	Quỹ tiền lương	Tr.đ	127.894	136.549	153.244	119,8	112,2
4	Tiền lương BQ	1.000đ/ng/th	12.451	13.278	14.901	119,7	112,2
5	Lao động BQ	Người	856	857	857	100,1	100,0
6	Lợi nhuận	Tr.đ	17.000	17.074	20.916	123,0	122,5
7	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	11.738	10.148	11.738	100,0	115,7
8	Tỷ lệ LN/VCSH	%	36	36	45	123	122,5
9	Nộp ngân sách	Tr.đ	28.692	24.433	39.157	136,4	160,3

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.2. Về sản phẩm chủ yếu

- Sửa chữa thiết bị mỏ: Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2025 đạt 53 thiết bị/KH 50 thiết bị, bằng 106% KH.

- Sản xuất thép cán và vít chống lò: Cán thép vít lò: đạt 129.243 tấn/KH 90.000 tấn, bằng 143,6% KH, tăng 12,8% cùng kỳ 2024; trong đó thép cán bán ra đạt 67.500 tấn/KH 52.000 tấn, bằng 129,8% KH, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2024. Chế tạo vít lò: đạt 54.881 tấn/KH 40.000 tấn, bằng 137,2% KH tăng 0,4% so với cùng kỳ 2024.

- Chế tạo thiết bị, phụ tùng: Tổng khối lượng chế tạo thiết bị, phụ tùng năm 2025 đạt 378 tấn/KH 1.050 tấn, bằng 36% KH, bằng 28,3% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó:

+ Chế tạo thiết bị, phụ tùng ngành than: Đạt 118 tấn/450 tấn, bằng 26,2% KH năm;

+ Chế tạo thiết bị, phụ tùng cho ngành khác: Đạt 260 tấn/KH 600 tấn, bằng 43,3% KH năm.

- Phục hồi thiết bị, phụ tùng: Tổng khối lượng phục hồi thiết bị, phụ tùng năm 2025 đạt 92 tấn/KH 300 tấn, bằng 30,5% KH, bằng 35,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Chỉ tiêu chế tạo thiết bị, phục hồi phụ tùng đạt thấp, nguyên nhân: Do khả năng cạnh tranh của Công ty còn hạn chế; Các quy định về đấu thầu có sự thay đổi dẫn tới không tham gia được một số dự án đầu tư của các đơn vị trong ngành.

3. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

3.1. Đánh giá thực hiện các mặt quản lý

3.1.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2025, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Ổn định thị trường trong TKV, đồng thời tích cực đẩy mạnh khai thác thị trường ngoài TKV. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh sử dụng hàng hóa trong nước, tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”;

- Đã bố trí đủ việc làm cho người lao động ở mức cao, qua đó ổn định sản xuất, nâng cao thu nhập cho người lao động. Đặc biệt, đã thực hiện một số hợp đồng chế tạo sản phẩm xuất khẩu sang Nhật Bản, mở ra hướng đi mới trong chiến lược hội nhập;

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: Chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần trong ngành như: phụ tùng máy xúc điện, máy khoan điện, cột chống, giá khung, ...vv.

3.1.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2025, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ, từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế: Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mỏ bị chậm; công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ tại một số thời điểm còn lúng túng, đã có những giải pháp nhưng điều hành chưa quyết liệt dẫn tới hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm,...vv.

3.1.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát khá tốt trong quy trình sản xuất, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng.

- Duy trì tính hiệu lực, tính liên tục Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

3.1.4. Công tác kỹ thuật công nghệ

Trong năm 2025, công tác kỹ thuật đã đáp ứng tốt cho sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện tốt các “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” đã nâng cao được chất lượng sản phẩm đúc và khai thác tối đa năng lực dây chuyền cán đạt mức sản lượng lớn nhất từ khi đưa dây chuyền vào khai thác, sản lượng thép cán SVP năm 2025 đạt đạt trên 120.000 tấn;

- Phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) được sử dụng hiệu quả, đã khắc phục được các sai hỏng sản phẩm trước đây, đảm bảo chất lượng sản phẩm đúc luôn đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty;

- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học: (i) Năm 2025 đã triển khai thực hiện hoàn thiện thủ tục thanh lý hợp đồng đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW” và đã được TKV giao quyền sở hữu tài sản là kết quả của đề tài; tổ chức triển khai đề tài NCKH cấp TKV: “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo Máy nắn thẳng thép hình sử dụng trong dây chuyền Cán thép vì lò, thép hình U, I, L”, đề tài đã được nghiệm thu áp dụng thực tế và đang trong quá trình hoàn thiện thanh lý hợp đồng; (ii) thực hiện đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy cưa di động sử dụng trong dây chuyền cán thép vì lò, thép hình U, I, L”, công việc chế tạo được hoàn thiện trong năm 2025; (iii) Tiếp tục phối hợp với ban KCL hoàn thiện hồ sơ đăng ký nhiệm vụ NCKH cấp TKV dài đoạn năm (2025-2027).

- Công tác sáng kiến năm 2025: Trong năm 2025 đã thẩm định và xét duyệt 60 sáng kiến, giá trị làm lợi trên 18 tỷ đồng, tiền thù lao trả cho các tác giả trên 960 triệu đồng.

3.1.5. Công tác chuyển đổi số

Năm 2025, Công ty đã triển khai mạnh mẽ và đồng bộ nhiều giải pháp, tạo bước chuyển rõ rệt trong quản trị, điều hành và sản xuất. Nhiều hạng mục số hóa đã hoàn thành và bước đầu phát huy hiệu quả. Một số nội dung quan trọng đã triển khai:

- Số hóa tài liệu kỹ thuật: Xây dựng và đưa vào vận hành thư viện điện tử, phục vụ quản lý và tra cứu nhanh chóng, chính xác toàn bộ hệ thống tài liệu kỹ thuật;

- Số hóa văn phòng và điều hành: Nâng cấp các chức năng liên thông văn bản, áp dụng chữ ký số rộng rãi; tăng cường hiệu quả điều hành qua phần mềm Văn phòng điện tử;

- Số hóa giám sát an ninh và điều hành sản xuất: Hệ thống camera được mở rộng, phân quyền kết nối dữ liệu đồng bộ, giúp giám sát an ninh - sản xuất liên tục, rõ nét, kịp thời;

- Số hóa các quy trình quản lý: Tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý vật tư, kế toán, nhân sự, quản lý điện năng, phần mềm thiết kế công nghệ đúc và thiết kế 3D..., góp phần chuẩn hóa quy trình, nâng cao hiệu lực quản lý;

- Số hóa hoạt động sản xuất: Đẩy mạnh đầu tư thiết bị CNC, từng bước chuyển đổi các dây chuyền truyền thống sang điều khiển tự động lập trình CNC, nâng cao độ chính xác và năng suất gia công.

3.1.6. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

a. Công tác ĐTXD: Công ty đã triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và hoàn thành các dự án đầu tư theo kế hoạch:

- Tổng số các gói thầu thực hiện: 05/05 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch năm 2025;

- Tổng giá trị dự kiến thực hiện đầu tư: 11.738/11.738 (triệu đồng), đạt 100% kế hoạch năm 2025.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về thủ tục, hồ sơ thuê đất với UBND phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh đối với các mảnh đất Công ty đang quản lý, sử dụng;

- Thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy định; không vi phạm các quy định trong công tác quản lý đất đai.

3.1.7. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư trong năm 2025 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định. Công tác quản

lý, thu hồi, sử dụng, thanh lý phế liệu được thực hiện nghiêm túc theo các quy định. Giá trị vật tư tồn kho đảm bảo tỷ lệ theo quy định của TKV (Tổng tỷ lệ tồn kho cuối kỳ so với tổng nhu cầu sử dụng năm 2025 là 3,68%, theo quy định của Tập đoàn TKV là 5%).

Kết quả giá trị mua sắm thực hiện năm 2025:

ĐVT: 1.000 đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (01/01/2025)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2025)
Tổng số	70.855.963	2.073.322.760	2.067.917.584	76.261.139
Vật liệu	70.410.470	1.978.094.108	1.972.694.960	75.809.617
- Phôi thép	17.253.345	1.754.487.991	1.753.886.652	17.854.684
- Thép làm cột chống	3.963.995	0	66.103	3.897.892
- Vật tư, phụ tùng khác	28.050.218	187.413.005	177.814.159	37.649.064
- Vật tư, sắt thép phế liệu	21.142.912	36.193.112	40.928.047	16.407.978
Nhiên liệu	445.494	95.228.652	95.222.624	451.522

3.1.8. Công tác cơ điện, ứng dụng THH-TĐH và quản lý năng lượng

* Công tác cơ điện:

- Về giá trị thực hiện sửa chữa các cấp đối với công trình, thiết bị cơ điện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2025		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	26.926	25.250	28.465	112,7
2	Sửa chữa cấp trung tu	Tr.đồng	18.550	14.450	13.660,7	94,5

- Sửa chữa thường xuyên: hoàn thành 100% công trình, thiết bị theo nội dung kế hoạch tháng và kế hoạch năm.

- Sửa chữa cấp trung tu: Tổ chức thực hiện 18/18 thiết bị trong đó:

+ Hoàn thành 16/18 thiết bị;

+ Dỡ dưng 02/18 thiết bị: hoàn thành nghiệm thu, quyết toán vào đầu năm 2026.

* Các công ứng dụng THH, TĐH:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Triển khai thực hiện Chương trình số 4152/QĐ-VMC ngày 18/9/2025 về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Cơ điện - Vận tải giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Chương trình số 4526/QĐ-VMC ngày 10/10/2025 về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Năm 2025, hoàn thành được 6/6 công trình theo kế hoạch, giá trị thực hiện 9,17 tỷ đồng.

* Công tác quản lý năng lượng:

- Thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị điện theo kế hoạch; giám sát chặt chẽ các phụ tải có công suất lớn, đảm bảo cung cấp điện an toàn cho sản xuất.

- Điện năng sử dụng trong toàn Công ty là 12.560.252/KH 12.378.000 (kWh), tương đương 101,5% KH, trong đó:

- Điện năng cho sản xuất: 12.395.250 kWh, chi tiết theo biểu giá:

+ Biểu giá 1: 7.286.454 kWh;

+ Biểu giá 2: 2.556.036 kWh;

+ Biểu giá 3: 2.552.760 kWh.

- Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh): 5.420 kWh.

- Điện cho sinh hoạt: 159.582 kWh.

- Số giờ mất điện: 38 giờ 29 phút; số lần mất điện: 71 lần, trong đó: do lưới 67 lần = 35 giờ 29 phút, nội bộ 04 lần = 3 giờ 00 phút.

* Công tác cung cấp nước:

- Nước sạch mua vào, sử dụng 112.070/126.300 (m³), tương ứng 88,7% kế hoạch năm (tiết kiệm do tăng cường sử dụng nước mưa, nước tuần hoàn);

- Nước sau hệ thống xử lý được sử dụng tuần hoàn: 411.224 m³.

Đánh giá: Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng cơ bản đã đảm bảo năng lực thiết bị, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, nâng cấp mức độ tự động hóa thiết bị hiện có; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng, tiết kiệm chi phí so với kế hoạch.

3.1.9. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương:

* Công tác định mức:

- Đáp ứng yêu cầu của sản xuất, kịp thời xây dựng các định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất ở các công trình/dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho NLĐ;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

* Công tác quản lý lao động:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hằng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động (lao động trong DS) tăng, giảm trong năm 2025:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2025 (Người)	Lao động đến cuối 2025 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2025 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2024 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Lao động quản lý	117	115	-02	15,73
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	72	72		9,85
3	Lao động công nghệ	543	542	+23; -22	74,42
	Tổng:	732	729		100

- Kết quả tình giảm lao động: Trong năm 2025 đã giảm tuyệt đối 02 lao động gián tiếp.

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương:

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	KH 2025	TH năm 2025	SS KH 2025 (%)	SS 2024 (%)
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	2.293.304	2.000.000	2.306.962	115,3	100,6
	GTSX tính lương	"	633.357	571.233	633.976	110,9	100,1
2	Sản lượng than TT	1000 tấn					
3	Lao động bình quân	người	857	856	857	100,1	100,00
	Người lao động	"	5,7	7,00	6	85,7	105,89
	Người quản lý	"	851	849	851	100,2	99,96
4	Tổng quỹ lương	tr.đồng	136.549	127.894	153.244	119,8	112,2
	Người quản lý	"	2.735	2.794	2.879	103	105,3
	Người lao động	"	133.814	125.100	150.365	120,2	112,4
5	Tiền lương bq	1000đ/ng/th	13.278	12.451	14.901	119,6	112,2
	Người quản lý	"	40.231	33.262	39.990	120,2	99,4
	Người lao động	"	13.278	12.451	14.901	119,6	112,2
6	Năng suất lao động						
	Tính theo giá trị (doanh thu - CP chưa có tiền lương)	trđ/ng/năm	177,2	167,4	204,07	121,29	114,54
	Theo sản lượng (giá trị SX)	đồng/ng/năm	739	667	740	111,0	100,21
7	Lợi nhuận sau khi quyết toán lương	tr.đồng	17.074	17.000	20.916	123,0	122,5

- Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định, đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho NLĐ, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động.

- Quá trình điều hành thực hiện quỹ tiền lương bám sát theo kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh, tuân thủ đúng theo định mức lao động và các quy định hiện hành.

** Công tác tổ chức cán bộ:*

- Ban hành kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ thuộc diện Công ty quản lý năm 2025 và thực hiện việc luân chuyển, điều động đối với 6 cán bộ;

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, trong năm 2025 đã bổ nhiệm mới 5 cán bộ, bổ nhiệm lại 7 cán bộ.

3.1.10. Công tác tài chính kế toán

** Tình hình tài chính, công nợ:*

- Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

- Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn		169,73	142,73	27	27
II	Vay dài hạn	26,06	5,68	9,73	22,01	-4,05

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
I	Các loại thuế	39.157
1	Thuế TNDN	3.500
2	Thuế GTGT	28.537
3	Thuế TNCN	3.872
4	Thuê đất	3.244
5	Thuế môn bài	4
II	Bảo hiểm xã hội	20.837

*** Tình hình thu hồi công nợ:**

Công tác thu hồi công nợ đạt kết quả tích cực, thu được: 2.593 tỷ đồng/2.691 tỷ đồng tổng số nợ phải thu khách hàng.

*** Tình hình thanh toán cho người bán:**

Trong năm 2025, Công ty trả được 2.452 tỷ đồng/2.645 tỷ đồng nợ phải trả, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2025: 444,9 tỷ đồng. Thực hiện đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn, không để quá hạn các khoản phải trả khách hàng trong năm.

*** Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:****- Vốn chủ sở hữu:**

+ Tại thời điểm ngày 01/01/2025:

68.603 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

46.973,5 triệu đồng.

+ Tại thời điểm ngày 31/12/2025:

72.064 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

46.973,5 triệu đồng.

*** Tình hình tài chính****- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	0,94 lần	0,98 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,74 lần	9,18 lần
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,11 lần	3,14 lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,4 %	23,15 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,80 %	2,27 %

3.1.11. Công tác AT-VSLĐ, PCCC; An ninh, quân sự quốc phòng; Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường:

** Công tác Quân sự quốc phòng:*

- Ban CHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy định; (ii) Thực hiện tốt các kế hoạch và chương trình huấn luyện lực lượng tự vệ năm 2025.

- Thực hiện tốt Kế hoạch sơ tuyển nghĩa vụ quân sự và Lễ giao nhận quân năm 2025.

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, địa phương triệu tập.

** Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Bảo vệ môi trường:*

- Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Ban hành và thực hiện phương án PCTT-TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét các hồ lắng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa các vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét nhà xưởng và kiểm định định kỳ 100% thiết bị điện trước mùa mưa bão. Giá trị thực hiện 4.785/3.555 triệu đồng, tương đương 134,5% kế hoạch năm.

- Công tác Bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra, kiểm soát môi trường lao động; Đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường; công tác thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và chuyển giao, xử lý được thực hiện theo quy định;

+ Giá trị ước thực hiện là 4.504,4/4.864,6 triệu đồng, tương đương 92,6% kế hoạch năm (chi phí thực hiện giảm do: Khối lượng chất thải phải xử lý giảm, chi phí phân định chất thải, hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải,...).

3.1.12. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2025 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2025, Quyết định số 1823/QĐ-VMC ngày 12/5/2025 về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2025,... Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

3.2. Đánh giá công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động

3.2.1. Thực hiện chế độ chính sách theo Thỏa ước LĐTT và pháp luật

- Tuyển dụng, ký kết HĐLĐ đúng quy định; việc làm ổn định, thu nhập tăng 4% so với năm 2024; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng bậc và nâng lương theo đúng quy chế, quy định.

- Thực hiện đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN; nộp kinh phí công đoàn theo quy định; chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ phép; cấp phát BHLĐ đúng tiêu chuẩn;

- Công tác ATVSLĐ được chú trọng, môi trường làm việc cải thiện; TNLĐ giảm so với năm 2024; khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho 100% NLĐ, bảo đảm ATVSTP trong phục vụ ăn ca.

3.2.2. Thực hiện các chế độ phúc lợi

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết liên tịch về hỗ trợ NLĐ nghỉ hưu; hỗ trợ 15 NLĐ nghỉ hưu với tổng kinh phí 144 triệu đồng và quà tặng trị giá tương đương 10 triệu đồng/người;

- Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho trên 700 NLĐ và các chương trình về nguồn, học tập tại nhiều địa điểm trong nước; tổng kinh phí trên 13,9 tỷ đồng;

- Hỗ trợ xây mới/sửa chữa nhà ở cho 5 trường hợp với tổng kinh phí 305 triệu đồng.

3.2.3. Công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động xã hội

- Tổ chức các hoạt động tri ân thương binh, liệt sĩ; thăm hỏi, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam và các gia đình chính sách;

- Quan tâm, chăm lo con em NLĐ: tặng quà dịp lễ, tết; tuyên dương cháu học giỏi, thi đỗ đại học;

- Hỗ trợ NLĐ khó khăn và tham gia hoạt động thiện nguyện, quyên góp ủng hộ đồng bào thiên tai với tổng giá trị trên 419 triệu đồng.

3.2.4. Chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động VHVN - TDTT; khánh thành sân Pickleball; duy trì các giải cầu lông truyền thống và tham gia thi đấu các giải cấp Tập đoàn và địa phương;

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, kịp thời tôn vinh NLĐ có thành tích xuất sắc.

3.3. Công tác trích lập và sử dụng các quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ do người lao động đóng góp

Năm 2025, Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	4,69	708,32	656,78
2	Thu năm 2025	1.557,07	5.869,38	2.515,45
3	Chi năm 2025	1.504,69	5.107,52	3.018,82
4	Số dư tại ngày 31/12/2025	57,07	1.470,18	153,41

4. Đánh giá trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác phối hợp bảo vệ và chăm lo quyền lợi của người lao động

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo Quyết định số 532/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2022, Công đoàn Công ty đã phối hợp với Giám đốc triển khai hiệu quả, cụ thể:

- Tổ chức Hội nghị NLĐ từ cấp tổ đến cấp Công ty đúng quy định; ý kiến của NLĐ được tiếp thu và giải quyết kịp thời, thỏa đáng;

- Tham gia sửa đổi Thỏa ước LĐTT giai đoạn 2024–2026, bổ sung nhiều nội dung có lợi cho NLĐ; Thỏa ước được Sở LĐTBXH xác nhận phù hợp pháp luật và Công đoàn TKV đánh giá loại A;

- Chủ động lấy ý kiến NLĐ phục vụ đối thoại định kỳ; năm 2025 có 12 ý kiến đã được giải quyết tại Hội nghị đối thoại Quý III/2025;

- Tham gia xây dựng các quy chế, quy định theo hướng công khai, minh bạch; đăng tải trên mạng nội bộ để các đơn vị góp ý trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận trong triển khai.

- Phối hợp thực hiện tốt các hoạt động chăm lo phúc lợi cho NLĐ:

+ Tổ chức tham quan học tập tại Nha Trang – Khánh Hòa cho 100% NLĐ;

+ Điều dưỡng, hỗ trợ điều trị cho 75 NLĐ và 14 NLĐ sức khỏe loại IV–V;

+ Thăm hỏi 100% NLĐ ốm đau, khó khăn;

+ Hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở cho 05 gia đình NLĐ, tổng hỗ trợ 315 triệu đồng;

+ Tuyên dương con NLĐ đạt thành tích học tập, tặng quà Tết Thiếu nhi & Trung thu với kinh phí trên 278 triệu đồng;

+ Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao, tham quan di tích nhân dịp lễ lớn, nâng cao đời sống tinh thần NLĐ.

5. Những thành tích nổi bật

Trong năm 2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên về cơ bản Công ty vẫn giữ vững ổn định trong sản xuất kinh doanh và duy trì tốt các mặt hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch, thực hiện thắng lợi mục tiêu “**An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả**”.

6. Tồn tại, hạn chế và biện pháp khắc phục

6.1. Tồn tại, hạn chế: Mặc dù Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu theo kế hoạch, tuy nhiên một số chỉ tiêu sản lượng về chế tạo thiết bị, phụ tùng còn chưa đạt theo kế hoạch, một số thiết bị còn chưa đạt yêu cầu về tiến độ theo các hợp đồng, công tác khai thác thị trường, tìm kiếm việc làm, quản trị chi phí hiệu quả chưa cao, vẫn đề xảy ra một số vụ tai nạn lao động,...vv.

6.2. Nguyên nhân:

- Khả năng cạnh tranh của Công ty thấp do giá thành sản xuất còn cao dẫn tới kết quả đấu thầu còn hạn chế, hiệu quả sản xuất chưa cao.

- Mức độ tự động hóa của thiết bị công nghệ chưa cao; một số vật tư phục vụ công tác sửa chữa thiết bị phải nhập khẩu mất nhiều thời gian,...

- Ý thức chấp hành quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất của một bộ phận cán bộ, công nhân chưa tốt.

6.3. Biện pháp khắc phục:

- Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh;

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Dự báo năm 2026, tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, đồng thời hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, tạo không gian phát triển mới; đẩy mạnh 03 đột phá, “bộ tứ trụ cột” và các chiến lược về khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, nhu cầu sử dụng sản phẩm Than cho các ngành kinh tế trong nước dự báo cao hơn năm 2025;

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng;

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao;

- Kết quả thực hiện đồng bộ, hiệu quả năm 2025, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2026;

- Đã có một số hợp đồng gói đầu tư năm 2025 chuyển sang đảm bảo việc làm ở mức cao trong quý I/2026 cho các đơn vị cơ khí, kết cấu.

2. Khó khăn

- Dự báo trong năm 2026, nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng, vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, công tác nhập khẩu vật tư gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả một số công việc trọng tâm đặc biệt là công tác sửa chữa lớn thiết bị, ...vv;

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn hạn chế; thiết bị chưa đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao. Việc tham gia các dự án đầu tư trong và ngoài TKV ngày càng khó khăn do chịu sự chi phối bởi các quy định hiện, sự thay đổi về cơ chế quản lý, công tác đầu thầu và sự cạnh tranh gay gắt các sản phẩm cơ khí trên thị trường, trong khi năng lực cạnh tranh của VMC còn hạn chế.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: **ĐOÀN KẾT - DÂN CHỦ - KỶ CƯƠNG - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN.**

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất; thực hiện bảo vệ môi trường; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề, ...vv.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu 2.100 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 2.078,5 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 607,326 tỷ đồng;
- Lao động định mức: 815 người;
- Tiền lương bình quân theo lao động định mức: 14.408.000 đồng/ng/tháng;
- Lợi nhuận: 28,2 tỷ đồng;
- Cổ tức: $\geq 10\%$;
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 9,3 lần;
- Bảo toàn và phát triển vốn;
- Giá trị các dự án ĐTXD: 13,815 tỷ đồng;
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC GIẢI NHIỆM VỤ, PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành

Than. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2026 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò,...vv;

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng từ năm 2025 chuyển sang; Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, đặc biệt là thị trường Nhật Bản,...vv.

- Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:

+ Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh;

+ Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động **“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”** tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí trong nước.

- **Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường:** Tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết với các đối tác Nhật Bản đảm bảo chất lượng, tiến độ, đồng thời phát triển thêm các hợp đồng và các đối tác mới.

2. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty. Đối với công nhân, NLĐ: Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sửa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư;

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên;

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Đổi mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 theo Quyết định số 625/QĐ-TTg ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai; Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất; Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, ...vv;

- Triển khai quyết liệt việc chuyển đổi số theo các kế hoạch đã ban hành, tiến tới chuyển đổi hầu hết các hoạt động của Công ty trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để gia tăng hiệu quả hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, ...vv;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, ...vv);

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng; Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng, đảm bảo năng lực thiết bị đáp ứng cho sản xuất; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng,...vv);

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT. Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường.

4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ, phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý; Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật;...vv;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động:

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CB, CN, NLĐ; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người

lao động đi tham quan trong và ngoài nước, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty;

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

IV. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NLĐ

1. Phối hợp thực hiện đầy đủ Thỏa ước lao động tập thể; tổ chức đối thoại định kỳ; thực hiện công tác tuyển dụng, ký kết và quản lý HĐLĐ đúng quy định pháp luật; triển khai nghiêm túc các nội quy, quy chế của Công ty.

2. Chú trọng công tác ATVSLĐ; cải thiện điều kiện, môi trường làm việc an toàn cho NLĐ; đảm bảo việc làm ổn định, tiền lương và thu nhập giữ vững và có tăng trưởng.

3. Tổ chức các chương trình tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng; khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và khám chuyên khoa nữ đầy đủ, đúng kế hoạch.

4. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo quy định; chi trả kịp thời các chế độ khi NLĐ chấm dứt HĐLĐ, nghỉ hưu, TNLĐ, ốm đau, thai sản; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại, ăn ca đúng đối tượng và tiêu chuẩn.

5. Quan tâm, hỗ trợ NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, nhất là về nhà ở, ốm đau và các trường hợp đặc biệt.

6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; thi, xét nâng bậc lương bảo đảm công khai, đúng quy chế.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN TRONG CÔNG TÁC PHỐI HỢP BẢO VỆ VÀ CHĂM LO QUYỀN LỢI CỦA NLĐ

1. Phối hợp với Giám đốc chỉ đạo tổ chức Hội nghị NLĐ các cấp, xây dựng và triển khai Thỏa ước LĐTT đúng quy định pháp luật, với nhiều quyền lợi cao hơn cho NLĐ. Chủ động đối thoại định kỳ, kịp thời nắm bắt và giải quyết kiến nghị của NLĐ.

2. Tham gia xây dựng, góp ý các quy chế, quy định liên quan đến NLĐ; phối hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, Nội quy lao động, triển khai hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở; nâng cao hoạt động Ban Thanh tra nhân dân và tiểu ban tại đơn vị.

3. Tăng cường công tác ATVSLĐ: phối hợp tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, phát huy hiệu quả mạng lưới ATVSV; đề xuất cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ.

4. Phối hợp duy trì và thực hiện tốt các chế độ phúc lợi đặc thù theo Thỏa ước LĐTT và các quy chế thống nhất với chuyên môn: khuyến khích tiền lương, hỗ trợ NLĐ nghỉ hưu, tham quan nghỉ mát, điều dưỡng, chăm lo con em NLĐ trong các dịp lễ tết.

5. Theo dõi sát tình hình việc làm, thu nhập, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn; quan tâm thăm hỏi NLĐ ốm đau, gia đình hiếu hỷ; tổ chức chăm lo Tết, Mái ấm Công đoàn, hỗ trợ nhà ở và các hoạt động phúc lợi khác cho NLĐ tại khu tập thể.

6. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần; xây dựng văn hóa công nhân – văn hóa doanh nghiệp; tổ chức phong trào văn nghệ, thể thao; rèn luyện tác phong công nghiệp, nếp sống văn hóa trong toàn Công ty.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2026, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch,

giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2026 với mục tiêu **ĐOÀN KẾT - DÂN CHỦ - KỶ CƯƠNG - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN**.

Đề nghị các tổ chức, đơn vị trong Công ty đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e- copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CĐ (e-copy);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
I	CÁC CHỈ TIÊU HIỆN VẬT						
1	SC thiết bị chủ yếu ngành mỏ (PHKD)		50	53	55	106	96,4
1.1	Xe đại xa	Xe	-				
1.2	Xe trung xa, xe cầu các loại	Xe	-				
1.3	Máy khoan các loại (Điện, thủy lực,)	Cái	8	9	5	112,5	180
1.4	Máy xúc các loại	Cái	7	7	8	100	87,5
1.5	Máy gạt, máy san đường	Cái	5	5	3	100	166,7
1.6	Tàu điện, tàu diesel	Cái					
1.7	Thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	Cái	30	32	39	106,7	82,1
2	Chế tạo thiết bị, phụ tùng		1.050	378	1.333	36	28,3
-	CT thiết bị, phụ tùng ngành than	Tấn	450	118	235	26,2	50,3
-	CT thiết bị, phụ tùng ngành khác	Tấn	600	260	1.099	43,3	23,7
2.1	Máy xúc hầm lò các loại	Cái	2				
2.2	Tàu điện các loại	Cái	-				
2.3	Máng cào các loại	Bộ	-				
2.4	Xe goòng các loại	Cái	50				
2.5	Chế tạo xe chuyên dụng	Cái	-				
3	Sản phẩm cơ khí chủ yếu						
3.1	Cán thép chống lò	Tấn	90.000	129.243	114.555	143,6	112,8
3.2	Sản xuất vòm thép chống lò	Tấn	40.000	54.881	54.641	137,2	100,4
3.3	Cột chống thủy lực các loại	Cột	5.000	200	1.300	4	15,4
3.4	Xích máng cào các loại	Mét kép	-				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
3.5	Phục hồi thiết bị phụ tùng khác	Tấn	300	92	258	30,5	35,5
II	CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ						
1	Doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.306.962	2.293.304	115,3	100,6
1.1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đ	1.978.250	2.225.797	2.210.526	112,5	100,7
1.2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	Tr.đ	21.250	79.811	82.156	375,6	97,1
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	78.988	81.100	394,9	97,4
	- Sản xuất oxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	823	1.056	65,9	78
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	Tr.đ	500	1.354	623	270,9	217,4
2	Giá vốn	Tr.đ	1.428.267	1.671.632	1.659.948	117	100,7
2.1	Giá vốn phối thép và thép chống lò	Tr.đ	1.409.867	1.665.903	1.586.004	118,2	105
2.2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	Tr.đ	18.400	5.729	73.944	31,1	7,7
3	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.976	633.357	111	100,1
3.1	Sản xuất cơ khí	Tr.đ	568.383	559.894	625.145	98,5	89,6
3.2	Sản xuất và dịch vụ khác	Tr.đ	2.850	74.082	8.212	2.599,40	902,1
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	1.600	73.259	7.156	4.578,70	1.023,70
	- Sản xuất oxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	823	1.056	65,9	78
4	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đ	1.983.000	2.286.047	2.276.230	115,3	100,4
4.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	1.817.737	2.069.512	2.073.958	113,9	99,8
4.1.1	Nguyên, vật liệu	Tr.đ	1.579.462	1.710.727	1.831.806	108,3	93,4
4.1.2	Nhiên liệu	Tr.đ	102.560	184.963	92.171	180,3	200,7
4.1.3	Động lực	Tr.đ	23.641	25.279	21.026	106,9	120,2
4.1.4	Chi phí khác	Tr.đ	91.783	120.953	99.040	131,8	122,1
4.1.5	Chi phí thuê ngoài	Tr.đ	20.291	27.589	29.915	136	92,2
4.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	166.858	202.791	190.690	121,5	106,3
4.2.1	Tiền lương	Tr.đ	127.894	153.244	136.549	119,8	112,2
	Trong đó: Quỹ lương NQL	Tr.đ	2.794	2.879	2.735	103,1	105,3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện kế hoạch		So sánh (%)	
				Năm 2025	Năm 2024	So KH năm 2025	So cùng kỳ năm 2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
4.2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	17.425	16.531	15.101	94,9	109,5
4.2.3	KHTSCĐ	Tr.đ	21.539	33.016	39.040	153,3	84,6
4.3	<i>Kết chuyển CP dở dang trong kỳ</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>-10.000</i>	<i>10.624</i>	<i>6.005</i>		
4.4	<i>Chi phí hoạt động tài chính, khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>8.405</i>	<i>3.120</i>	<i>5.578</i>		
5	Lợi nhuận	Tr.đ	17.000	20.916	17.074	123	122,5
	Tỷ lệ LN/VCSH	%	36	45	36	123	122,5
6	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
6.1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		219	237,18	211,28	108,3	112,3
6.2	Lao động bình quân theo định mức	Người	856	857	857	100,1	100
6.3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	12.451	14.901	13.278	119,7	112,2
	<i>Trong đó: Tiền lương bình quân NLĐ</i>	1000đ/ng/thg	<i>12.265</i>	<i>14.724</i>	<i>13.098</i>	<i>120,1</i>	<i>112,4</i>
	<i>Tiền lương bình quân VCQL</i>	1000đ/ng/thg	<i>38.799</i>	<i>39.990</i>	<i>40.231</i>	<i>103,1</i>	<i>99,4</i>
7	Giá trị ĐTXD	Tr.đ	11.738	11.738	10.148	100	115,7
III	Nộp ngân sách	Tr.đ	28.962	39.157	24.433	136,4	160,3
IV	Thực hiện các chỉ tiêu giao khoán						
	Doanh thu	Tr.đ		2.306.962	2.293.304		
	Xác định mức tiết kiệm (+), bội chi (-)	Tr.đ		3.916	2.074		

Phụ lục 02
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	635.429.968.216	614.489.166.435
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.497.316.938	7.620.885.084
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	303.205.671.758	363.761.526.909
III. Hàng tồn kho	315.749.691.572	234.227.186.860
IV. Tài sản ngắn hạn khác	8.977.287.948	8.879.567.582
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	98.150.172.641	122.981.997.315
I. Tài sản cố định	75.738.837.055	98.024.921.056
II. Tài sản dài hạn khác	22.411.335.586	24.957.076.259
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	733.580.140.857	737.471.163.750
C - NỢ PHẢI TRẢ	661.515.255.466	668.868.032.871
I. Nợ ngắn hạn	646.967.909.866	651.653.926.471
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	444.994.253.732	561.834.536.614
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	979.670.531	4.807.613.291
3. Phải trả người lao động	42.713.363.556	38.588.784.778
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.469.152.800	8.851.160.800
5. Phải trả ngắn hạn khác	123.811.469.247	37.571.830.988
II. Nợ dài hạn	14.547.345.600	17.214.106.400
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.547.345.600	17.214.106.400
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	72.064.885.391	68.603.130.879
I. Vốn chủ sở hữu	71.973.914.482	68.603.130.879
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.583.273.841	6.583.273.841
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.417.130.641	15.046.347.038
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	90.970.909	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	733.580.140.857	737.471.163.750

N: 570
CÔNG
CỔ P
HỆ T
VINAC
HÀNH

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Ghi chú
I	SẢN PHẨM CHỦ YẾU			
1	Chế tạo và lắp đặt thiết bị mỏ			
	Máy đào lò	máy	2	
	Sản xuất cột chống thủy lực	cột	2.000	
	Chế tạo thiết bị, phụ tùng	tấn	950	
2	Sản xuất ô tô tải, phương tiện thủy			
3	Sửa chữa lớn, phục hồi thiết bị		47	
	Sửa chữa máy khoan các loại	máy	5	
	Sửa chữa máy xúc các loại	máy	8	
	Sửa chữa xe gạt các loại	xe	2	
	Sửa chữa các thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	TB	32	
4	Sản phẩm cơ khí khác			
4.1	Sản xuất vì lò, thép cán			
	- Sản xuất thép vì lò	tấn	100.000	
	- Chế tạo vì chống lò	tấn	50.000	
4.2	Phục hồi thiết bị, phụ tùng	tấn	300	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	Tr.đ	21.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
6	Doanh thu tài chính và DT khác	Tr.đ	500	
II	CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1	Doanh thu	Tr.đồng	2.100.000	
1.1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	2.078.500	
1.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	21.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
2	Giá vốn	tr.đ	1.492.174	
	- Giá vốn phôi thép cán	tr.đ	1.473.174	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động TC	tr.đ	19.000	
3	Giá trị sản xuất	tr.đ	607.326	
3.1	Giá trị sản xuất cơ khí	tr.đ	605.326	
3.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	2.000	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.000	
	- Sản xuất, dịch vụ khác	tr.đ	1.000	
4	Tổng chi phí theo yếu tố	tr.đ	2.071.832	
4.1	Chi phí trung gian		1.889.192	
4.2	Tiền lương	tr.đ	140.842	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	tr.đ	2.279	

4.3	Bảo hiểm XH, YT, CD, TN	tr.đ	15.828	
4.4	Khấu hao tài sản	tr.đ	22.089	
4.5	Thuế trong giá thành			
4.6	Chi phí tài chính + khác		3.882	
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	28.200	
6	Lao động, thu nhập và tiền lương			
6.1	Lao động bình quân	người	815	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	6	
6.2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	14.408	
6.3	Đơn giá tiền lương (không bao gồm quỹ lương người quản lý)	Đồng/1.000 đ GTSX	229	



Số: 1097 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2026 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong năm 2025 có 02 (hai) lần thay đổi về nhân sự, cụ thể như sau:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	26/4/2023	25/4/2025
2	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	25/4/2025	25/11/2025
3	Phạm Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	25/11/2025	
4	Phạm Minh Tuấn	TV HĐQT, Giám đốc	26/4/2023	
5	Bùi Xuân Hạnh	TV HĐQT không điều hành	26/4/2023	
6	Lê Viết Sự	TV HĐQT không điều hành	26/4/2023	
7	Phạm Thu Hương	TV HĐQT chuyên trách	26/4/2023	

HĐQT đã xây dựng Quy chế hoạt động, các thành viên đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình tại Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023, đã điều chỉnh tại Quyết định số 5599/QĐ-VMC, ngày 28/11/2025.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo

luyện để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2025, HĐQT Công ty đã họp 17 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 17 Nghị quyết, 03 Quy chế, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025; HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2025 đề ra.

Kết quả SXKD năm 2025 được thể hiện qua một số các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH năm 2025	TH năm 2024	TH năm 2025	So sánh %	
						So với KH năm	So với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.000.000	2.293.304	2.306.962	115,3	100,6
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	571.233	633.357	633.976	110,9	100,1
3	Quỹ tiền lương	Tr.đ	127.894	136.549	153.244	119,8	112,2
4	Lao động BQ	Người	856	857	857	99,8	100,0
5	Tiền lương BQ	1.000đ/ng/th	12.451	13.278	14.901	119,6	112,2
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	17.000	17.074	20.916	123,0	122,5
7	Cổ tức	%	≥ 10	10	≥ 10		100,0
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	11.738 (KH điều chỉnh TKV)	10.148	11.738	100,0	115,7

2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	83,32	86,62
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	16,68	13,38
2	Cơ cấu nguồn vốn			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,69	90,18
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,31	9,82
	- Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu	lần	9,74	9,18
3	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	0,58	0,49
	- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	lần	0,94	0,98
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,58	0,72
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	19,40	23,15
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,80	2,27

Trong năm 2025, tình hình tài chính được cải thiện nhiều so với năm 2024, Công ty vẫn luôn bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,..thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,..hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất.

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc đối với ông Trần Ngọc Thắng, ông Phạm Thanh Tùng.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế ban hành và bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng phòng, Quản đốc đúng thời hạn.

+ Xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2025 tập trung chỉ đạo: Đào tạo nghề thứ 2, bổ túc nghề và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, huấn luyện AT-VSLĐ, PCCC, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.5. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, năm 2025 Công ty đã hoàn thành và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng:

- Số gói thầu thực hiện: 05/05 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch năm;

- Giá trị thực hiện đầu tư 11,738 tỷ đồng/KH 2025 ban đầu 13,940 tỷ đồng, bằng 84% (bằng 100% theo kế hoạch điều chỉnh năm).

- Các thiết bị sau đầu tư đã đáp ứng các mục tiêu cơ bản sau:

+ Phù hợp về tính năng kỹ thuật, công nghệ, điều kiện kỹ thuật an toàn;

+ Phù hợp với điều kiện môi trường, mô hình, trình độ quản lý, tổ chức sản xuất của Công ty;

+ Phù hợp với dây chuyền công nghệ sản xuất của Công ty, đáp ứng theo định hướng phát triển của Công ty vào các mặt hàng chiến lược, lâu dài;

+ Các thiết bị được lựa chọn tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại, an toàn, đảm bảo độ chính xác cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường;

+ Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành sản xuất, chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2025, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Năm 2025, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Bộ máy Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên năm 2025 đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Tình hình chung

Năm 2026 được dự báo nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn hạn chế. Việc làm, vốn và thị trường, cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2026

- | | | |
|-------------------------------------|------------|----------|
| - Doanh thu: | 2.100 | tỷ đồng; |
| - Giá trị sản xuất: | 607,326 | tỷ đồng; |
| - Lợi nhuận: | 28,2 | tỷ đồng; |
| - Lao động bình quân theo định mức: | 815 người; | |

- Tiền lương bình quân: 14,408 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13,815 tỷ đồng;
- Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2025. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2026./.

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Phạm Tuấn Ngọc